

CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

MỤC LỤC

QUỐC HỘI

	Trang
9-7-1963 — Quyết định số 185-NQ-TVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn điều lệ của Hội đồng nhân dân khu tự trị Tây-bắc qui định cụ thể về tổ chức của Tòa án nhân dân các cấp trong khu Tự trị Tây-bắc	381
— Điều lệ qui định cụ thể về tổ chức của Tòa án nhân dân các cấp trong khu tự trị Tây-bắc	382

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

	Trang
6-7-1963 — Nghị định số 102-CP ban hành điều lệ quản lý ngoại hối của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa	383
— Điều lệ quản lý ngoại hối của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa	384
12-7-1963 — Quyết định số 64-TTg về việc phân loại lao động trong các ngành kinh tế quốc dân, về chế độ thống kê lao động tiền lương . . .	386
15-7-1963 — Thông tư số 65-TTg về việc dành đất để trồng thức ăn cho gia súc, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và gia đình xã viên.	387

QUỐC HỘI

QUYẾT ĐỊNH số 185-NQ-TVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn điều lệ của Hội đồng nhân dân Khu tự trị Tây-bắc quy định cụ thể về tổ chức của Tòa án nhân dân các cấp trong khu tự trị Tây-bắc.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Căn cứ vào điều 95 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Căn cứ vào điều 2 của luật tổ chức Tòa án nhân dân;

Sau khi xét đề nghị của Ủy ban hành chính khu tự trị Tây-bắc;

Sau khi nghe Ủy ban dự án pháp luật và Ủy ban dân tộc của Quốc hội báo cáo.

QUYẾT ĐỊNH:

Phê chuẩn điều lệ ngày 9-4-1963 của Hội đồng nhân dân khu tự trị Tây-bắc quy định cụ thể về tổ chức của Tòa án nhân dân các cấp trong khu tự trị Tây-bắc.

Hà-nội, ngày 9 tháng 7 năm 1963

Ủy ban thường vụ Quốc hội
nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

Chủ tịch,

TRƯỜNG CHINH

ĐIỀU LỆ
quy định cụ thể về tổ chức của Tòa
án nhân dân các cấp trong khu tự
trị Tây-bắc.

Căn cứ vào điều 95 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa quy định quyền của Hội đồng nhân dân các khu vực tự trị có thể chiêu theo những đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa của các dân tộc ở địa phương mà đặt ra điều lệ tự trị và những điều lệ về những vấn đề riêng biệt để thi hành ở địa phương;

Căn cứ vào nghị quyết ngày 27-10-1962 của Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa khóa II họp kỳ thứ 5 phê chuẩn việc đổi tên khu tự trị Thái — Mèo thành khu tự trị Tây-bắc và thành lập cấp tỉnh trong khu;

Căn cứ vào luật ngày 14-7-1960 quy định về tổ chức Tòa án nhân dân và pháp lệnh ngày 23-3-1961 quy định cụ thể về tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao và tổ chức của các Tòa án nhân dân địa phương;

Đề cho tổ chức của Tòa án nhân dân các cấp trong khu tự trị Tây-bắc phù hợp với đặc điểm của tình hình địa phương,

Hội đồng nhân dân khu tự trị Tây-bắc quy định cụ thể về tổ chức của Tòa án nhân dân các cấp trong khu tự trị Tây-bắc như sau:

Điều 1. — Các Tòa án nhân dân trong khu tự trị Tây-bắc gồm có:

- Tòa án nhân dân khu,
- Các tòa án nhân dân tỉnh,
- Các Tòa án nhân dân thị xã và huyện.

Điều 2. — Tòa án nhân dân khu có thẩm quyền:

a) Sơ thẩm những vụ án hình sự và dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp dưới, nhưng xét thấy quan trọng hoặc phức tạp, cần lấy lên để xử;

b) Phúc thẩm những bản án hoặc những quyết định sơ thẩm của các Tòa án nhân dân tỉnh bị chống án hoặc bị kháng nghị;

c) Xử lại những vụ án do bản thân mình hoặc do Tòa án nhân dân cấp dưới đã xử mà bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nhưng Tòa án nhân dân tối cao giao cho xử lại.

Tòa án nhân dân khu có nhiệm vụ xây dựng tổ chức tư pháp trong khu và tổ chức việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân.

Tòa án nhân dân khu mở lớp huấn luyện thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã, huyện và

thư ký Tòa án để góp phần đào tạo cán bộ địa phương theo chính sách dân tộc của Nhà nước.

Điều 3. — Tòa án nhân dân tỉnh có thẩm quyền:

a) Sơ thẩm những vụ án hình sự không thuộc thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thị xã và huyện, và những vụ án hình sự thuộc thẩm quyền của các Tòa án đó, nhưng xét thấy quan trọng hoặc phức tạp, cần lấy lên để xử;

b) Sơ thẩm những vụ án dân sự thuộc thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thị xã và huyện, nhưng xét thấy quan trọng hoặc phức tạp, cần lấy lên để xử;

c) Phúc thẩm những bản án hoặc những quyết định sơ thẩm của các Tòa án nhân dân thị xã và huyện bị chống án hoặc bị kháng nghị;

d) Xử lại những vụ án do bản thân mình hoặc do các Tòa án nhân dân thị xã và huyện đã xử mà bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nhưng Tòa án nhân dân tối cao giao cho xử lại.

Tòa án nhân dân tỉnh có nhiệm vụ xây dựng tổ chức tư pháp ở địa phương, huấn luyện cán bộ tư pháp cho thị trấn và xã, và tổ chức việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân.

Điều 4. Tòa án nhân dân thị xã và huyện có thẩm quyền:

- a) Hòa giải những việc tranh chấp về dân sự;
- b) Phân xử những việc hình sự nhỏ không phải mở phiên tòa;
- c) Sơ thẩm những vụ án dân sự;
- d) Sơ thẩm những vụ án hình sự có thể phạt từ hai năm tù trở xuống.

Tòa án nhân dân thị xã và huyện có nhiệm vụ xây dựng tổ chức tư pháp và hướng dẫn công tác hòa giải ở thị trấn và xã và tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân.

Điều 5. Tòa án nhân dân khu và các Tòa án nhân dân tỉnh gồm có chánh án, một hoặc nhiều phó chánh án và các thẩm phán.

Tại tòa án nhân dân khu và các Tòa án nhân dân tỉnh đều lập ra Ủy ban thẩm phán gồm có chánh án, phó chánh án và một số thẩm phán.

Tòa án nhân dân thị xã và huyện gồm có chánh án và thẩm phán, nếu cần thiết thì có phó chánh án.

Điều 6. — Khi sơ thẩm, Tòa án nhân dân các cấp trong khu gồm có một thẩm phán và hai hội thẩm nhân dân; trong trường hợp xử những vụ án mà đương sự hoặc bị can thuộc

nhều thành phần dân tộc khác nhau, Tòa án nhân dân có thể gồm có một thẩm phán và bốn hội thẩm nhân dân.

Khi phúc thẩm những bản án, những quyết định bị chống án hoặc bị kháng nghị và khi xử lại những vụ án đã có bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng phát hiện có sai lầm thì Tòa án nhân dân phải có ba thẩm phán; khi cần thiết thì có thể có thêm hai hoặc bốn hội thẩm nhân dân.

Khi xét xử, hội thẩm nhân dân ngang quyền với thẩm phán. Tòa án nhân dân quyết định theo đa số.

Điều 7. — Chánh án, phó chánh án và thẩm phán Tòa án nhân dân khu và Tòa án nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra và bãi miễn. Nhiệm kỳ của chánh án, phó chánh án và thẩm phán Tòa án nhân dân khu và Tòa án nhân dân tỉnh là bốn năm.

Ủy viên Ủy ban thẩm phán của các Tòa án nhân dân nói trên do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra và bãi miễn.

Điều 8. — Chánh án, phó chánh án và thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã và huyện do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra và bãi miễn. Nhiệm kỳ của chánh án, phó chánh án và các thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã và huyện là ba năm.

Điều 9. — Các hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân các cấp trong khu do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra và bãi miễn. Nhiệm kỳ của các hội thẩm nhân dân là hai năm.

Điều 10. — Danh sách hội thẩm nhân dân của các Tòa án nhân dân trong khu cần phải ánh thích đáng các thành phần dân tộc trong quần hạt của Tòa án.

Điều 11. — Tòa án nhân dân các cấp trong khu phải bảo đảm cho công dân thuộc các thành phần dân tộc được dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trước Tòa án. Khi cần thiết, Tòa án nhân dân phải chỉ định người phiên dịch để bảo đảm thực hiện quyền đó.

Điều 12. — Khi xét xử, Tòa án nhân dân các cấp trong khu phải chú ý thích đáng đến những đặc điểm về kinh tế và văn hóa của các dân tộc.

Điều 13. — Ngoài việc xét xử tại trụ sở của Tòa án; Tòa án nhân dân các cấp trong khu cần chú ý tổ chức xét xử lưu động để cho việc tố tụng của nhân dân được thuận tiện và việc xét xử của Tòa án có tác dụng giáo dục sâu rộng trong nhân dân các dân tộc ở địa phương.

Điều 14. — Tòa án nhân dân các cấp trong khu tự trị Tây-bắc phải chấp hành những

nguyên tắc chung về tổ chức Tòa án nhân dân đã được quy định trong Hiến pháp, luật ngày 14-7-1960 và pháp lệnh ngày 23-3-1961, và những quy định của bản điều lệ này.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 102-CP ban hành điều lệ quản lý ngoại hối của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Để bảo vệ chủ quyền và tính chất độc lập về tiền tệ của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, bảo vệ tài sản của Nhà nước, đồng thời góp phần phát triển những quan hệ về kinh tế, chính trị và văn hóa với nước ngoài;

Theo đề nghị của ông Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 13-3-1963.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành điều lệ quản lý ngoại hối của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa kèm theo nghị định này.

Điều 2. — Điều lệ này bắt đầu thi hành kể từ ngày 1-8-1963. Những quy định trước đây về quản lý ngoại hối đều bãi bỏ.

Điều 3. — Ông Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa chịu trách nhiệm giải thích và quy định chi tiết về việc thi hành điều lệ này.

Hà-nội, ngày 6 tháng 7 năm 1963

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM HÙNG